

BẢN LUẬN QUYỂN 71

Kế đây, là thứ năm mươi mốt, nói về bảy Nghĩa và bảy Hỷ. Nghĩa bảy chi, Luận sư Cảnh nói: “1- Dục thiện xảo đối với uẩn v.v... gọi là nghĩa nên tìm cầu.

2- Hoặc pháp thuộc tự tánh, hoặc dùng môn thuộc tài pháp v.v... gọi là nghĩa nên thuộc về.

3- Bạo ác, duyên ác, cần phải tránh xa, gọi là nghĩa nên tránh xa.

4- Công đức trong định, nên tác ý dẫn sinh, gọi là nghĩa nên dẫn.

5- Nên ngăn ngừa các điều ác, gọi là nghĩa nên ngăn ngừa.

6- Giới thanh tịnh v.v..., gọi là nghĩa nên gìn giữ.

7- Năm thông nên dựa vào định mà phát. Lại, giới cụ túc v.v... nên nhờ vào sự cung kính mà phát, gọi là nghĩa nên phát.

Pháp sư Thái nói: “Một nghĩa đầu trong bảy nghĩa là giáo pháp. Hai nghĩa kế là lý pháp. Chánh lý nên thuộc về, tà lý nên tránh. Hai nghĩa kế là pháp hạnh. Hành đông thiện, nên dẫn phát; hành vi xấu, ác, nên ngăn ngừa.

Hai nghĩa kế là pháp quả. Quả lợi mình nên giữ gìn; quả lợi người nên phát. Nay, theo giải thích sau:

Nói “Bảy Hỷ đã được dẫn phát bởi Trí hay Duyên bảy nghĩa trước:

1- Hỷ do văn dẫn phát, nghĩa là văn tuệ “duyên” nghĩa nên truy tìm ở trước, do đây sinh hỷ.

2- Tư Tuệ “duyên” nên thuộc về, nên tránh.

3- Tu Tuệ, “Duyên” nghĩa nên dẫn phát. Nghĩa thứ tư, thứ năm, là “cái” bàn luận, tức “duyên” nghĩa nên ngăn ngừa, vì bên trong là năm cái, bên ngoài, hàng phục biện luận của người đồng thời gọi là ngăn ngừa việc xấu ác.

6- Niệm công đức của mình, trí “duyên” nghĩa “nên gìn giữ”.

7- Đối với các thấp kém, bất sanh biết vừa đủ, với trí “duyên” “nghĩa nên phát”.

Thứ năm mươi hai, trong phần nói năm pháp. Luận sư Cảnh nói: “Nhiếp thọ, nghĩa là nhiếp thọ tài pháp. Pháp thọ dụng, nghĩa là pháp thọ dụng tài pháp v.v... Pháp chứng nghĩa là pháp chứng lý, sự. Pháp sư Thái nói: “1- Pháp giáo; 2- Pháp hạnh; 3- Pháp lý, nên nhiếp thọ”.

Hai nghĩa kế là pháp quả. Quả hữu vi là pháp thọ dụng; quả vô vi là pháp “sở chứng”.

Thứ năm mươi ba, là nói về thí dụ cung tên. Đây là nói ba Học. Cung dụ cho giới, đức dựa vào giới phát ra định. Mũi tên dụ cho đức định chuyên chú một cảnh. Trúng đích dụ cho, “đích” dụ đối tượng duyên dựa vào định phát tuệ, thích hợp với cảnh mà biết sự, như trúng đích. Cung có hai đức: 1- Tánh nó cứng chắc, đây là dụ cho giới. Duyên ngoài vì khó hủy hoại, nên gọi là tánh cứng chắc.

2- Khéo thực hành rất ráo, nghĩa là dụ cho công năng của giới là dẫn đến Bồ-đề. Mũi tên có một đức khéo thực hành rất ráo, dụ cho công năng của định hướng đến Bồ-đề, không bỏ dở giữa chừng.

Trúng đích có ba đức:

- 1) Công xảo rất ráo: Dụ cho trí Vô học.
- 2) Công xảo quán tập, dụ cho trí của tu đạo.
- 3) Công xảo sư học, dụ cho trí của Kiến đạo.

Xét Bản Địa Phần quyển 54 nói về điểm khác nhau Phật giáo và lý thú:

1) Giáo của thời kỳ lâu dài, như giáo của Tiểu thừa hóa đạo dần theo thứ lớp.

2) Giáo Vô gián, nghĩa là “Đốn giáo” của Đại thừa, như Hoa nghiêm v.v... được Phật nói đầu tiên, sau khi thành đạo.

3) Giáo không nói lại: Như giáo liễu nghĩa Niết-bàn.

Thứ năm mươi lăm, nói về dụ năm trị hợp đạo và hai tướng Thi-la, có thể đi đến đường lành. Nói hợp đạo là dụ cho người tu hành lợi qua sông sinh tử, để hưởng đến Niết-bàn. 1/ Đối trị ánh sáng của ngọn lửa: Lo ánh sáng nắng nóng, dù che đậy đối trị. 2/ Đối trị gian nan nguy hiểm: Gian nan, nguy hiểm, nhiều giặc, binh, gây để đối trị, dụ cho đường ác nhiều tai họa, giới hạnh để nghiêm trị. 3/ Đối trị sông, nghĩa là đưa sang sông: thuyền bè là dụ cho nương tựa, nước ái sôi sục, Bát-Nhã là thuyền. 4/ Trị Khô Kiệt: Nước khô cạn, nước là đối trị. Dụ cho tán loạn, cháy khát, dùng định để thấm nhuần. 5/ Đối trị thân nhọc nhằn: Thân uể oải, chẩn đoán, xoa bóp là đối trị, dụ cho thân thô, nặng, khinh an là đối trị.

Nói Thi-la có hai tướng có công năng qua đường lành, nghĩa là trong đây, đầu tiên chỉ nêu Thi-la, không nói tướng định, tuệ có thể đến, vì đi qua cõi người thì gần, đến Bồ-đề thì xa, nên nói có thể sinh đường lành.

1- Nhiếp thọ Thi-la, nghĩa là thọ giới Cụ túc v.v... 2- Không thiếu Thi-la, nghĩa là gìn giữ giới cấm.

Thứ năm mươi sáu, là nói về thọ dục và biến hoại. Nói “1- Biến

đối, hư hoại thô: một kỳ hạn chết. 2- Đối thay, hư hoại tế: chết trong từng niệm.

Phần vị đối thay, hư hoại cũng có hai: 1- Thô; 2- Tế: lại là hai thứ trước được y cứ vào nghĩa phần vị mà nói.

Thứ năm mươi bảy, là nói trí có hai đức:

I. Đức chánh hạnh có ba trường hợp:

a. Nhanh chóng: Các trí tương ứng với tâm, tâm pháp, chuyển biến trở lại nhanh chóng.

1. Quyết định: Các trí dứt các nghi ngờ.

2. Nhỏ nhiệm: Các trí có thể nhập lý nhỏ nhiệm.

II. Đức tự tánh có bảy trường hợp:

1. Địa định: Ở đây phân biệt với văn tuệ.

2. Không thể lui sụt: Phân biệt với năm căn tánh ở trước.

3. Xuất thế gian: Phân biệt với tu tuệ của thế gian.

4. Đã khéo tu tập: Phân biệt với mới tập thừa.

5. Đối với việc mình làm không có trở ngại, đây là chỉ rõ cảnh không có dính mắc.

6. Vượt hơn tất cả thiện căn tự của loại khác: là vượt hơn thiện căn khác mà thừa mình có.

7. Vượt hơn tất cả loại thiện căn của người, nghĩa là hơn hẳn thiện căn của ngoại đạo.”

Lại, giải thích: “Trí vô lậu hơn trí hữu lậu, gọi là vượt vượt hơn loại của mình. Lại hơn trí hữu lậu, pháp hữu lậu khác của ngoại đạo, gọi là vượt hơn loại của người.”

Thứ năm mươi tám, có ba cố luyến niệm trụ làm đối trị. 1/ Cố luyến trợ bạn, nghĩa là cố luyến sức sắc thân làm bạn hỗ trợ của mạng, quán thân bất tịnh là đối trị, cũng có thể yêu đắm mê thiếp, thấy là thanh tịnh, gọi là cố luyến trợ bạn, quán thân bất tịnh là đối trị. 2/ Cố luyến lợi dưỡng: quán thọ là khổ, là đối trị. 3/ Cố luyến hữu sau: quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã làm đối trị.

Thứ năm mươi chín, giải thích về ba trường hợp như gia hạnh v.v... Luận sư Cảnh nói: “Chia ra ba trường hợp làm gốc. Hai lượt giải thích, đều là văn kinh.

Đối trị với Dục tham vô minh là gia hạnh, đây là người phàm phu khởi gia hạnh để hàng phục “hoặc” này.

“Đã lia dục, chưa lia dục là nối tiếp nhau”, nghĩa là y cứ chung một thân lia dục, không lia dục, gọi là nối tiếp nhau, đây là có cả Phàm, Thánh.

Lại, vì Y; vì Địa; vì Phẩm; vì chưa tu định, vì đã tu, chưa được, được, nghĩa là giải thích lại sự nối tiếp nhau.

Chương sở y thanh tịnh: Giải thích lại hiện quán. Vì chương tác ý thanh tịnh, vì đối trị với chương kia. Nghĩa là giải thích lại, vì hướng về gia hạnh trước.

Pháp sư Thái nói: “Gia hạnh là chi Kiến đạo, hiện quán là kiến đạo; nối tiếp nhau là tu đạo. Thân nối tiếp nhau của sơ quả chưa lìa dục. Các quả còn lại nối tiếp nhau, thân đã lìa dục. Lại, “Vì (nương tựa), cho đến “Vì đối trị với chương kia”, nghĩa là sáu thứ ban đầu là nói lại gia hạnh ở trước. Gia hạnh đã dựa vào thân cõi Dục. Tu chín phẩm của địa cõi Dục, vì chưa được định, nên đã học tu phương tiện định chưa thành thì chưa được định. Nếu thành thì liền được định. Đây là nói lại gia hạnh ở trước.

Chương căn, gọi là chương sở y thanh tịnh. Nghiệp phiền não, gọi là chương tác ý thanh tịnh. Đối trị kiến tu, là gọi là đối trị chương kia.”

Luận sư Tăng Huyền nói: “Vì nương tựa, nghĩa là thân ở cõi Diêm-phù Đề là đối tượng nương tựa của gia hạnh. Địa: là Phẩm địa cõi Dục. Đạo gia hạnh đã hàng phục chín phẩm như tham v.v... cũng có thể đối trị chín phẩm của đạo gia hạnh. Vì chưa tu định, nghĩa là đạo gia hạnh chưa tu định căn bản.

Vì đã tu, chưa được, được, nghĩa là vì đạo Gia hạnh đã tu định cận phần, nên nói “đã tu”. Nhưng vì chưa được định căn bản, nên nói “chưa được”. Vì đã được định Cận phần, nên nói là “được”.

Trên đây, vì phẩm, là giải thích gia hạnh trên.

Nói “Vì chương sở y thanh tịnh”: Tám nạn v.v... gọi là chương sở y, tức là “báo chương”, đây là chương kiến đạo, là giải thích hiện quán trên.

Nói “Chương tác ý thanh tịnh”: Đây là nghiệp chương, tức chương của tu đạo. Đây là giải thích sự “nối tiếp nhau” ở trên.

“Vì đối trị chương kia”, nghĩa là đạo có công năng đối trị nghiệp chương, báo chương kia.”

Thứ sáu mươi, là giải thích sáu hiện quán. Đầu tiên, là nhắc lại, trước lược nêu sáu thứ hiện quán:

1/ “Hiện quán tư, cho đến “hiện quán rốt ráo thứ sáu”, giải thích danh từ hiện quán kia. Sáu thứ, là nêu lên số đầu. Số sáu là danh số; chẳng là nghĩa loại. Quyết định quán sát là nghĩa hiện quán. Theo cách giải thích của quyển thứ năm mươi lăm thì ba thứ sau là Thể của hiện quán. Tư là nhân của hiện quán, tức là tư “đương thể” và quả đặt tên.

Lại, là thể hiện quán, là tuệ đồng thời, tức là từ “đương thể có chung tên gọi”.

Thứ tư nói “Trí hiện quán, hiện quán để tức từ nghĩa của thể “sở duyên” làm tên. Để là “sở duyên; trí là thể, hiện quán là nghĩa.

Thứ năm từ nghĩa, nghĩa là phát ra biên sau của chân quán, mà được gọi là “Hiện quán biên”.

Hiện quán rất ráo từ giai vị được tên, vì ở giai vị rất ráo mà thú hưởng quán này, nên phải là hiện quán rất ráo.

Kế là, hỏi, đáp, giải thích rộng có hai mươi ba môn. Trước là nói về cộng tướng (tướng chung):

Hiện quán tư ở giai vị phạm phu, nghĩa là đầu tiên, khởi ở giai vị phạm phu, kiến đạo trở xuống. Sau ở tu đạo cũng khởi hiện quán rất ráo.

“Cuối cùng không phạm ở năm chỗ, nghĩa là không đến nhà người giết mổ, nhà dâm nữ, nhà bán rượu v.v...”

2/ Trong phần nói về thể tánh, hiện quán Tư, nghĩa là dùng Tư tuệ của cõi Dục làm thể. Hiện quán Tín: lấy chung Văn, Tư, Tu Tuệ, có cả tâm số Tín tương ứng với lậu, vô lậu làm thể.

Hiện quán trí, hiện quán để lấy chân kiến đạo của trí vô phân biệt làm thể.

Hiện quán biên, tức lấy trí sau xuất quán. “Duyên” lại trí an lập, phi an lập để làm tự tánh, tức hiện quán rất ráo của tướng kiến đạo.

Nếu theo quyển năm mươi lăm thì có cả hai trí. Nay trong văn này, tức lấy trí thế tục, tâm vô sinh làm tánh, nghĩa là nghĩ rằng: “Đời ta đã ngu v.v...”. Đây là y cứ ở khắc tánh, phát ra thể. Nếu y cứ ở “tương ứng”, “cộng hữu”, thì tức là lấy bốn uẩn, năm uẩn làm tánh.

3/ Nói về trói buộc, không trói buộc. Một chỉ trói buộc cõi Dục, nghĩa là Tư. Một thứ, một phần hoặc trói buộc ba cõi là Tín, tức một phần này và ba phần khác, bốn phần này là không trói buộc, tức một phần tín này và giới, hiện quán trí, hiện quán biên là ba, bốn hiện quán này không bị trói buộc. Tức là ba thứ một phần tín này và giới trí hiện quán, biên hiện quán; Bốn thứ này là không trói buộc.

Một là có cả trói buộc, không trói buộc, nghĩa là hiện quán rất ráo, vì trí tận vô sinh có cả thế gian, xuất thế gian. Hế gian là trói buộc, nếu xuất thế gian là không trói buộc.

4/ Nói về Y tha. Luận sư Cảnh, Bồ khuyết rằng: “Một là Y, Phi y có thể được. Y khác, tất cả Y có thể được: Hiện quán Tư chỉ nương tựa địa tán của cõi Dục, chẳng phải nương tựa tĩnh lực Vô Sắc, tức thừa nhận

năm thiên khác, sáu thiên khác và ba không mà khởi. Tín có cả hữu lậu, vô lậu. Có cả chín địa khởi, rất dễ hiểu. Giới, có cả chín địa khởi. Nghĩa là trong địa sáu thiên có đạo cộng giới dễ biết.

“Trong địa ba không làm sao được có đạo cộng giới? Vì ý tứ của vô lậu kia có ngăn ngừa thân, ngữ phá giới của cõi Dục, cũng giả kiến lập giới vô lậu.

Đã nói hiện quán thứ tư, hiện quán thứ năm cũng có ở khắp chín địa. Lại, đoạn văn kể nói “Chỉ một hiện quán được quả của chín biến tri”, lại nói “một được tất cả bốn quả, tức biết. Hiện quán thứ tư có cả Kiến đạo, Tu đạo. Hiện quán biên thứ thứ năm có cả trong tu đạo khởi, chỉ là tướng kiến đạo. Nói rộng, là từ biên sau của quán chân như, mà khởi mười sáu quán hạnh, đều gọi là hiện quán biên, vì thừa nhận trong chín địa đều được khởi thân của bậc Vô học khởi sáu hiện quán đều gọi là hiện quán rốt ráo nên biết có ở khắp chín địa. Nếu không thừa nhận hiện quán thứ tư, thứ năm có cả ba đạo, chỉ riêng kiến đạo tức là đã thừa nhận cũng nhập Kiến đạo trong địa ba không, bởi vì trong Luận nói trong tất cả y của hiện quán còn lại đều có thể được.

Lại, đoạn văn trên nói trong Địa ba không, có Vị tri, Dương tri căn.”

Hỏi: “Đoạn văn dưới đây nói “Chỉ dựa vào bốn tĩnh lự và Sơ Vị chí nhập Kiến đạo”, nghĩa là y cứ vào xứ tăng cường để nói.

Nói “Lại, ba Y, năm Y sinh một thứ, một phần cũng thế”. Nghĩa là giải thích lại hiện quán thứ ba, thứ tư, thứ năm, tức phán quyết chỉ là Kiến đạo, chỉ nương tựa bốn thiên lự căn bản kia và Sơ vị chí trong năm địa khởi. Tức ba hiện quán Tín đồng thời, cũng vì chỉ năm Địa, nên nói “một thứ, một phần cũng thế”. Hiện quán Tín khác và hiện quán Rốt ráo, có ở khắp chín Địa. Từ chỉ ở cõi Dục không khác với thuyết trước.’

Pháp sư Thái nói: “Các Bộ, Sở y của Thánh đạo không đồng: Nếu theo Tát Bà Da, thì có chín địa Y, nghĩa là bốn thiên căn bản, Vi chí, Trung gian và ba Vô Sắc, trừ địa Phi tưởng. Nếu theo thành Thật, sẽ có bảy y định: Bốn thiên căn bản và ba định Vô Sắc. Nay, Đại thừa có tám y: Sơ cận phần định; bốn tĩnh lự căn bản và ba định Vô Sắc. Cho nên không đồng với Tỳ-đàm, Thành Thật. Nếu dựa theo quyển thứ một trăm, thì Đại thừa cũng có chín Y, nên quyển ấy nói “Lại có chín y có thể cùng tận các lậu. Chín Y là: định Vị chí hoặc Sơ thiên, thiên lự, Trung gian; ba thiên lự còn lại và ba Vô Sắc, trừ đệ nhất hữu. Nhưng nay, tám Y của văn này là Chân thật. Quyển thứ một trăm là môn Lý

Tùy chuyển, nên không trái nhau.”

Lại, nếu theo Tát-Bà-Đa thì cõi Dục chỉ có Văn, Tư; cõi Sắc có Văn, Tu; Vô Sắc chỉ Tu. Thành Thật thì có Văn, Tư ở cả hai cõi; Tu, Tuệ ở cả ba cõi. Nay, Đại thừa đồng với Tát Bà Đa: Hiện quán Tư dùng Tư, Tuệ tăng thượng làm thể, thành ra chỉ ở cõi Dục. Cho nên nói “Y, Phi Y có thể được”. Năm hiện quán còn lại đối với Tư. Tóm lại, dựa vào tất cả Y, không hẳn mỗi một hiện quán đều dựa vào tám Y. Dưới đây, giải thích riêng rằng:

“Hoặc trí để biên, trí để dựa vào ba Y, năm Y sinh”, nghĩa là y cứ Y ban đầu để nói Y sau, nương tựa chung tám Y.

Nói “một thứ, một phần cũng thể”, nghĩa là một phần hiện quán Tín đầu tiên, là dựa vào năm Y sinh. Hiện quán rất ráo. “Đắc” của Vô Sắc mới khởi, nên không nói năm Y đầu tiên sinh”. Dưới đây là hỏi, đáp:

Các Luận sư phương Tây, có ra hai giải thích:

1/ Thấu triệt phương tiện xa của phần thiện căn, khi sắc nhập quán chân như, tư duy năm chi như Tâm, Từ v.v... của Sơ định, toàn phần tĩnh lực chân như mà vào sơ định. Về sau, khi chính thức nhập quán chân như của vô tướng kiến đạo, mà vì chứng tất cả pháp như thế, nên như khi gia hạnh phương tiện dù có Tâm, Từ, thiền lực có thể được. Do Tâm cầu Từ quán sát lý chân như trong gia hạnh có đủ năm chi, nhưng khi chứng chân như vô tướng, vì lìa tướng, không có phần biệt, nên chánh trí đều cùng lúc không có hai chi Tâm cầu, Từ sát, chỉ có ba chi hỷ lạc và một cảnh tánh của tâm.”

2/ Giải thích rằng: “Dựa vào sơ tĩnh lực, tức nhập quán chân như, tất cả pháp ba cõi, đều là các tướng phần như Tâm, Từ v.v... của Sơ tĩnh lực, nên dựa vào toàn phần tĩnh lực chân, như, như tướng, kiến v.v... của Sơ định trong gia hạnh, dù dựa vào năm chi tĩnh lực có Tâm, có Từ có thể được, nhưng khi chánh trí chứng chân như, lìa tướng, không có chánh trí phân biệt, chỉ đều có ba chi: Hỷ, Lạc và một tánh cảnh của tâm. Về Sơ tĩnh lực hữu lậu, phương tây cũng có hai giải thích, giải thích đầu rằng: Trong định Vị chí, ban đầu có tâm, sau có từ. Đến định Căn bản chỉ có tâm nhất cảnh tánh của hỷ lạc. Vì nói cho có trước có sau, nên sơ định có đủ năm chi.”

Luận sư Giới Hiền v.v... nói “Trong căn bản định, nếu quán một sự chưa rõ ráo, tức trước Tâm, sau Từ. Nếu khi quán đến rõ ráo, thì se không có Tâm, không có Từ.”

5/ Trong phần nói về “Duyên” để, Bồ Khuyết rằng: “1/ Duyên

thế tục đế và một thứ, một phần, nghĩa là Tư chỉ “duyên” tục đế, đồng thời Tín cũng thế. 1/ Không có “sở duyên”, hoặc hai “duyên” an lập thắng đế và một thứ, một phần, nghĩa là Biên và rốt ráo chỉ “duyên” an lập đế như khổ v.v... Đồng thời Tín cũng thế, dựa theo văn này để phán quyết, thì hiện quán rốt ráo không quán đạo chân như. Người vô học không được nhập quán chân như. Nghĩa là đạo Vô học và tu đạo đã có quán chân như “duyên” phi an lập đế, gọi là chung là trí hiện quán thứ tư thuộc về hiện quán đế.

Nay, ý phán quyết như trong văn này như thế. Trong luận ở trước lại nói hiện quán thứ tư chỉ là kiến đạo. y cứ vào loại trí này và trong hiện quán rốt ráo, đều có chung “duyên” phi an lập đế. Lại, thuyết ở trước nói trí Tận vô sinh, có cả phân biệt, vô phân biệt, cho nên vô phân biệt tức là trí vô phân biệt “duyên” phi an lập.

Một “duyên” phi an lập Thắng nghĩa đế và một thứ, một phần, nghĩa là hiện quán thứ tư chỉ “duyên” chân như.

Đồng thời Tín cũng thế. Luận sư Bị nói “Trí Tận Vô Sinh có ba thứ:

1) “Duyên” tục đế.

2) “Duyên” bốn đế, an lập đế.

3) “Duyên” chân như, phi an lập đế, đều gọi là hiện quán rốt ráo, cũng có thể “duyên” tục đế, nghĩa là thuộc về Tín, duyên bốn đế thuộc về rốt ráo. “Duyên” chân như thuộc hiện quán đế.

6/ Nói về hữu tướng, vô tướng. Bồ Khuyết rằng: “Bốn hữu tướng nghĩa là Tư, Giới, Biên rốt ráo không “duyên” phi an lập đế, vì chỉ lấy an lập cảnh hữu tướng, nên giới là sự khác nhau của bảy chi sắc pháp, gọi là hữu tướng, không y cứ ở chấp tướng, gọi là hữu tướng.

Một là vô tướng, nghĩa là thứ tư này. Một là vừa hữu tướng, vừa vô tướng, nghĩa là Tín này.

Pháp sư Thái nói: “Phương Tây có hai cách giải thích

1- Giải thích rằng: “Bốn pháp Tư, Đế, Biên, Rốt ráo là tánh phân biệt của Tuệ, tức tuệ có hành tướng. Giới chẳng phải tánh phân biệt của Tuệ, nên gọi là vô tướng. Tín và tuệ đồng duyên nghĩa. Cũng có “Thế” của phân biệt, chẳng phải là nghĩa tánh phân biệt của Tuệ cũng vô tướng.”

2- Giải thích rằng: “Hiện quán Tư, hiện quán Biên và hiện quán Rốt ráo là tâm phân biệt vì cảnh giới có tướng đương với tâm, nên gọi là hữu tướng. Hiện quán giới ở Tu đạo, đạo Vô học v.v... tướng dụng của chánh mạng v.v... hiểu bày có thể phân biệt biết, gọi là hữu tướng

(tướng có), nên bốn tướng này gọi là hữu tướng. Hiện quán Trí đế chánh chứng Chân như, gọi là vô tướng. Tín và ba hiện quán đều cùng cũng là hữu tướng. Nếu cùng có với trí đế, thì gọi là vô tướng.

7/ Hữu phân biệt, vô phân biệt, so sánh đồng với thuyết hữu tướng, vô tướng. Thể của giới là sự khác nhau của Chi sắc, gọi là phân biệt, chứ chẳng phải chấp lấy gọi là phân biệt.

8/ Trong phần nói về Thọ đều cùng có, Tư Chỉ có Hỷ cùng hiện hành, năm thứ còn lại đều cùng hiện hành với Hỷ, Lạc, Xả, vì Xả của cõi Dục kém, không cùng với Tư Tuệ tăng thượng. Lạc của cõi Dục không ở Ý địa, nên cũng không cùng có. Đều hiện hành trong đây, tất nhiên, chưa tương ứng, cho nên có cả giới, cũng có thể đã nói Thọ đều chẳng phải giới, nghĩa là Hành, nên nói “khác” nghĩa là bốn.

9/ Y cứ bốn đối trị nhiếp nhau: Hai chỉ đối trị hư hoại, nghĩa là Tư và hiện quán Biên cũng có nghĩa đối trị xa gìn giữ, vì dứt trừ “hoặc” nên chưa hết. Lại, có “hoặc” đáng nhằm chán nghĩa đối trị hư hoại, vì mạnh, nên nói đối trị hư hoại, một đối trị phần xa gìn giữ dứt trừ chung, nghĩa là hiện quán đế, vì không “duyên” “hoặc”, nên không có đối trị hư hoại. 1- Đối trị phần xa gìn giữ chung, nghĩa là hiện quán rốt ráo. Vì không có “hoặc” để nhằm chán, nên không có đối trị hư hoại. Do “hoặc” hết, nên chẳng phải đối trị dứt trừ. 2- Chẳng phải đối trị nghĩa là dùng hai hiện quán: Tín, Giới, vì chẳng phải tánh tuệ, nên chẳng phải bốn đối trị.

10/ Y cứ hai đối trị thuộc nhau. Ở đây có hai giải thích: Giải thích đầu có ba là đối trị hàng phục các triền, là ba hiện quán: Tư, Biên, Rốt ráo:

1. “Câu đối trị” (đều cùng chẳng phải đối trị) là hiện quán đế.
2. “Câu phi đối trị” (đều cùng chẳng phải đối trị) nghĩa là Tín và Giới.

Giải thích thứ hai, ba như Tín, Tư, Biên là trị hàng phục. Giới và rốt ráo chẳng phải hai đối trị, nên không có đối tượng “duyên” (sở duyên), vì không có “hoặc” để dứt trừ.

11/ Y cứ ba phẩm giới để nói đối trị thuộc nhau, nghĩa là trí hiện quán đế có thể dứt trừ ba phẩm phiền não của chín địa, cho nên gọi là đối trị dứt trừ. Năm hiện quán còn lại, thuận theo trí đế để giúp đỡ cho trí đế, không gọi là đối trị dứt trừ, do đây chứng tỏ sau vô lậu được chẳng phải đối trị dứt trừ.

12/ Nói về quả được Biến tri. Xét Bà-sa quyển sáu mươi hai nói về chín Biến tri: “Do cõi Dục, Kiến diệt dứt trừ hết là Biến tri thứ ba.

Cõi Sắc Vô Sắc do kiến diệt dứt trừ hết là Biến tri thứ tư. Cõi Dục do kiến đạo dứt trừ kiết hết là thứ năm. Kiến đạo của cõi sắc, Vô Sắc đã dứt trừ kiết hết là thứ sáu. Đây là y cứ vào thứ lớp để mà nói thế này: “Nay, trong luận này, vì phiền não dứt trừ do Kiến diệt đoạn hệ thuộc cõi Dục, nên lập thứ hai. Vì phiền não dứt trừ do kiến đạo dứt trừ, nên lập thứ tư. Vì Kiến diệt dứt trừ của cõi sắc, Vô Sắc, nên lập thứ năm. Vì kiến đạo dứt trừ nên lập thứ sáu: Đây là y cứ theo thứ lớp của cõi mà nói rằng: “Luận Bà sa kia y cứ vào pháp. loại mà đoạn chứng theo thứ lớp mà nói là thứ lớp. Nay, trong Đại thừa y cứ kiến đạo chân thật dứt trừ trong một lúc. Vì giả lập bày trong tướng Kiến đạo, nên tùy căn cơ thích hợp, nói là theo thứ lớp.”

Nói một, được quả chín Biến tri, nghĩa là trí hiện quán đế. Do văn này và được quả sau rằng: “Vì một được tất cả bốn quả, nên biết hiện quán của trí đế có cả đạo Kiến, Tu, Vô học.”

13/ Nói về lúc dứt “hoặc”.

Nói “Lúc phiền não dứt trừ (đoạn) với thời gian đối trị sinh đều bình đẳng, bình đẳng: “nghĩa là từ xưa đến nay, các Luận sư Đại thừa đều nói là các cách dứt “hoặc” không đồng nhau: 1- Cận trước, Luận sư Thập địa dựa vào Văn Thập địa cho rằng thời gian chẳng phải ban đầu, chẳng phải giữa, sau, vì lấy cả trước, giữa, sau, tức nói là Thánh đạo một vận chuyển nối tiếp nhau, thời gian trước, sau kết hợp nhau, “hoặc” bất sinh, gọi là dứt “hoặc”, chứ không phải là dùng riêng một niệm vô ngại chánh dứt, vì thể của giải thoát chứng rất sâu sắc.

2) Cận đại, Nhiếp Luận sư dựa vào văn Nhiếp Luận, tập trung tư tưởng để tu Sát na, có khả năng tiêu diệt các nhóm “hoặc”, tức nói là nghĩa đồng với Tiểu thừa, rằng, vô ngại với hạt giống “hoặc” đã dứt trừ, đồng thời cùng nhập vào quá khứ, gọi là dứt trừ “hoặc”. Các Luận sư này do chưa nhận thấy được Thánh giáo rộng lớn của Du-già, tùy tình an lập đạo lý chân thật tuyệt vời! Văn Du-già có hai ý nói:

1) Y cứ chung ba đời nối tiếp nhau, để nói về dứt trừ. Không dứt, cho nên luận trên nói rằng: “Chẳng phải dứt trừ quá khứ, vị lai, hiện nay. Tuy nhiên nói dứt trừ ba đời là vì sao? Vì hạt giống “hoặc” trong quá khứ đã diệt mất, nên không có pháp nào để dứt; còn hạt giống “hoặc” ở vị lai thì chưa có, cũng không thể nói là dứt trừ và ngay một niệm trong hiện tại, tự nhiên diệt hoại, cũng không thể dứt.

Trên đây là y cứ vào tánh “hoặc” của ba đời để tìm kiếm, đều không thể dứt, tức tương xứng với luận Thập Địa cho rằng: “Thời gian chẳng phải ban đầu, chẳng phải giữa, sau”, nhưng nhân quả của hạt

giống “hoặc” ba đời sinh nhau, thường ràng buộc người tu hành, không được giải thoát. Do Thánh đạo khởi, không khởi hạt giống “hoặc” làm nhân không thành, gọi là đoạn tuyệt quá khứ. Vị lai lẽ ra sinh, bất sanh, gọi là dứt trừ vị lai. Thánh đạo đã sinh, hạt giống “hoặc” đã diệt, gọi là đoạn hiện tại.

Y cứ vào lý như thế, nhưng nói là đoạn ba đời, tức đồng với lấy trước, giữa, sau của luận Thập Địa. Đây chính là y cứ chung ba đời, để nói về dứt trừ, không dứt trừ hạt giống “hoặc”.

Thứ hai y cứ trực tiếp trong đoạn, nhằm nói về tác dụng của pháp đoạn.

“Nếu Thánh đạo kia sinh cho đến “hiện tại” v.v... nghĩa là tùy phẩm “hoặc” thô, tế diệt, nhập quá khứ, lại không nối tiếp nhau, gọi là dứt trừ “hoặc”. “Giải”, “hoặc” trái nhau, như ánh sáng xua tan bóng tối, không đồng thời dứt trừ. Theo đây, vì phân biệt có Thánh giáo, nên nói có thể Y cứ.”

14/ Nói về được bốn quả. “Một là được tất cả bốn quả”, nghĩa là trí hiện quán đế. Một khi được quả Sa-môn viên mãn, nghĩa là Tận trí của niệm ban đầu là đạo Giải thoát. Chứng quả thứ tư, tức hiện quán rốt ráo. Pháp còn lại là được giúp đỡ, là được công hạnh trước. Bồ Khuyết rằng: “Tu và Tín hữu lậu là khi được bốn quả, mỗi quả đều là đạo phương tiện xa, gọi là thực hành hạnh trước. Biến Tín Giới vô lậu, khi chứng bốn quả, nếu ở trong Hưởng là được hạnh trước. Nếu khi đắc quả, là được bạn hỗ trợ.”

Pháp sư Thái nói: “Bốn hiện quán khác, ngay từ lúc đầu đã là được một gia hạnh của Sơ quả, là hỗ trợ đạo vô tướng kia, được đạo phương tiện của hạnh trước của sơ quả.”

Lại, giải thích Bốn quán hiện còn lại là được tất cả bạn hỗ trợ. Vì hiện quán Tư đã khởi trước nhất, nên được thực hành đạo Phương tiện trước khi đắc quả.”

Lại, giải thích: “Bốn hiện quán còn lại là đã được bạn hỗ trợ một trong bốn quả là được công hạnh bốn quả viên mãn, của trước kia.”

15/ Chuyển căn. Nói “Trừ một, tất cả khác”, nghĩa là trừ giới, năm pháp còn lại đều có thể chuyển căn. Do đoạn văn này, chứng tỏ rằng, Phạm, Thánh, hữu Lậu, Vô Lậu, Định, Tán đều có công năng chuyển căn.

16/ Nói dẫn các đức thù thắng như thần thông v.v...

“Trừ một, tất cả khác”, ở đây có hai giải thích:

1) “Trừ giới, năm thứ khác”

2) “Trừ hiện quán Tư, năm hiện quán còn lại có thể dẫn phát.

17/ Nói về tác nghiệp. Ý nói “Một phần hiện quán Tín có công năng đi qua đường lành làm nghiệp”: Ở đây là phân biệt với Tín vô lậu tạo nên nhân Dị thực, nên nói một phần”.

18/ Nói về sự khác nhau. Sự khác nhau của hiện quán trí để gồm có ba mươi bảy phần Bồ-đề v.v... Hai hiện quán sau cũng phải dùng văn này để chứng minh bốn thân tức có cả Chánh trí và Trí Hậu đắc.

19/ Nói y cứ vào danh, ngôn đã an lập, để nói về tự tánh, như văn.

20/ Trong phần nói về nhân, quả, hiện quán Tư dùng bốn Chi Dự lưu làm nhân, dùng sáu nghiệp làm quả, văn còn lại rất dễ hiểu).

21/ Với bảy tác ý thuộc nhau. Hai hiện quán chẳng phải thuộc về tác ý, nghĩa là Tư và Giới. Vì Giới là sắc pháp, nên chẳng phải tác ý. Tư ở cõi Dục; còn Tác ý thì ở địa định.

“Một hiện quán thuộc về Lạc, thuộc tác ý: Hiện quán Tín y cứ thuộc về Tuệ có chung, thuộc về tác ý lạc, sinh tín, ưa đối Tam Bảo.

Một hiện quán thuộc về lạc, thuộc tác ý quán sát, nghĩa là hiện quán biên.

Một hiện quán xa lìa bao gồm phương tiện Lạc, thuộc về tác ý rốt ráo, nghĩa là hiện quán trí để. Do dứt trừ ba phẩm đầu trong chín phẩm “hoặc” của mỗi địa, nên gọi là tác ý xa lìa. Dứt ba phẩm giữa, gọi là thuộc về tác ý lạc. Dứt trừ ba phẩm sau, gọi là tác ý rốt ráo của phương tiện.

Một hiện quán phương tiện, rốt ráo tác ý của quả, nghĩa là hiện quan rốt ráo. Tác ý khác là hiện quán Đăng lưu, chẳng phải thuộc về hiện quán, nghĩa là Tác ý thắng giải tướng liễu: Thắng giải của tướng liễu chẳng phải thuộc về hiện quán, vì sao? Vì Tư là ở cõi Dục. Vì hai hiện quán này là địa định, nên không thuộc nhau. Tín, hiểu Tam bảo, ưa quán công hạnh nhằm chán của hai Tác ý này, vì không “duyên” Tam Bảo, nên không thuộc về Tín. Hai Tác ý và Giới, vì sắc, tâm khác nhau, nên cũng không thuộc về nhau.

Hiện quán Biên là trí vô phân biệt. Hiện quan Biên là tướng kiến đạo. Hiện quán rốt ráo ở Vô học. Hai tác ý này khác với hai hiện quán này, nên cũng không thuộc nhau, chỉ nhân hạnh nhằm chán của Hậu trí hiện quán, mà khởi lên hai thứ tác ý này, nên thuộc về hiện quán Đăng lưu.

22/ Trí Vô Biên tế và Thuận Quyết Trạch Phần, thuộc về hiện quán nào?

Đáp: “Chẳng thuộc về hiện quán, mà là Đẳng lưu. Bỏ khuyết có nhiều giải thích:

1) Giải thích: “Trong phương tiện trước của Kiến đạo, quán chung pháp Vô Biên Tế và Vô ngã, gọi là Trí vô biên tế.”

2) Giải thích: “Theo thứ lớp chín phẩm của Thiền lự thứ tư, từ hạ sinh trung; từ trung sinh lên trí thượng, gọi là trí biên tế. Trí này cộng với trên, lại không thêm lỗi, gọi là Trí vô Biên tế. Trí này không có bộ phận duyên. Vì hiện quán là “duyên” Bộ phận, nên không thuộc nhau. Thiện căn của Quyết trạch phần là thể của phương tiện nhập Thánh, là Tu tuệ, chứ chẳng phải là Tư, tín, vì là hữu lậu, nên chẳng phải giới, cũng chẳng thuộc về ba quán sau, rất dễ hiểu.” Lại nói rằng: “Trí của tất cả pháp vô ngã, các hành vô thường; Niết-bàn vắng lặng v.v... gọi là trí vô biên tế.”

Hỏi: Bốn thiện căn như Noãn v.v... thuộc về hiện quán nào?

Đáp: “Luận Thành Duy Thức quyển chín nói: “Các Thiện căn như Noãn v.v... không thể phân biệt rộng về tánh. Lại vì chưa chứng lý, nên chẳng thuộc hiện quán.”

23/ Thực hành một hạnh đối biện về thuộc về nhau. Đầu tiên đem Tư đối với Tín để thực hành bốn trường hợp:

a. Có Tư chẳng phải Tín, trừ “duyên” tư duy Tam Bảo, các pháp khác “duyên” Tư.

b. Có Tín chẳng phải Tư, nghĩa là “duyên” Tam Bảo, Tín tương ứng với Văn, Tu.

c. Đồng có, là “duyên” tư duy Tam Bảo: Đây là thuộc về chung có nêu ra thể, Tín tương ứng với Tư. Tín cũng gọi là Tư; Tư cũng gọi là Tín, nên nói “duyên” tư duy Tam Bảo.

d. Vừa Tư, vừa Tín. Đồng cùng chẳng phải (câu phi), trừ các trường hợp trên.

Do lý này, nên biết được các pháp khác cũng thực hành bốn trường hợp: Đem Tư đối với Giới và đối với ba hiện quán sau, đều không thuộc nhau. Đem Tín đối với Giới, vì sắc khác với Tâm, nên cũng không thuộc nhau. Đem Tín đối là thứ Tư, nếu y cứ vào tương ứng nêu ra Thể thì được lập hai trường hợp, chỉ có quán thứ tư, tức thuộc về quán Tín.

Có khi Tín chẳng phải thứ tư, nghĩa là Tín tương ứng với quán khác. Đem Tin đối với Biên, đối với quán rốt ráo. Y cứ tương ứng nêu ra thể, đều thành hai trường hợp. Kế là đem Giới đối với ba hiện quán sau, cũng không thuộc nhau. Kế là đem thứ tư đối với hai luận sau, cũng không thuộc nhau. Thứ năm, thứ sáu cũng không thuộc nhau.

Về sau, có vô lượng, một hạnh thuận với các trường hợp trước: Theo vào luận Tỳ-Bà-Sa, một hạnh có hai giải thích:

1. Do đạo một hạnh, dùng lý chung để hỏi, gọi là một hạnh.

2. Lại giải thích: Hỏi: “Pháp không giống nhau, không dùng định thể gian, gọi là một hạnh. Nay, văn luận này tức đồng với giải thích trước. Dùng một câu hỏi, một danh, một hạnh, nên dùng hẹp để hỏi rộng, thuận với lời đáp câu hỏi trước. Như hỏi:

“Lúc khinh an khởi, thì có mười vô tham v.v... phải không?”

Đáp: “Nếu có khinh an, thì cũng có mười thứ khác. Thuận với câu sau: dùng rộng hỏi hẹp, thuận với lời đáp câu sau. Chẳng hạn như hỏi:

“Khi mười thứ như vô tham v.v... khởi, tức có khinh an phải không?”

Đáp: “Chỉ có khinh an, tức có mười thứ khác. Tự có mười thứ khác mà không có khinh an, nghĩa là tâm thiện của Địa tán. Bốn trường hợp, nghĩa là nếu có thể của pháp kia có rộng, hẹp lẫn nhau, tức thành bốn trường hợp. Như hiện quán Tư đối với hiện quán Tín, được thành bốn trường hợp. Như hiện quán Tư chỉ ở cõi Dục, tức là hẹp. “Duyên” có cảnh duyên của các pháp, tức hiện quán ấy rộng. Thể của hiện quán Tín có cả giai vị hữu lậu, vô lậu của chín địa, tức rộng. Chỉ “duyên” Tam bảo, cảnh giới đó hẹp, nên trở thành bốn trường hợp. Luận rộng về, Tín, thật ra “duyên” muôn pháp, mà tướng của văn luận chỉ y cứ “duyên” Tín Tam Bảo, nên thành bốn trường hợp. Nếu không có rộng hẹp thì sẽ có câu đáp lại trường hợp vô sự. Như cảnh “sở duyên” của Noãn, tức sở duyên của Đảnh ư?”

Đáp: “Đúng thế! nghĩa là chỗ (lĩnh vực) mà Đảnh đã “duyên”, tức sở duyên của Noãn ư?”

Đáp: “Đúng thế!”

“Quyển sáu mươi một nói về sự keo kiệt kết hợp với nhơ bẩn, gọi là vết nhơ keo kiệt. Luận sư Cảnh cho rằng:

1- Về Tuệ thí, trước không quán tập v.v... Tức y theo nghĩa tâm yêu mến coi trọng của cải, cái ăn, nói là keo kiệt.

2- Đối với thân mạng, rất coi trọng, cố luyến v.v... phải biết rằng, đoái tưởng đến thân mạng hiện tại, lại là nghĩa tham ái, nói là keo kiệt.

3- Với kẻ keo kiệt, thường cư ngụ chung, lại thuận theo họ, nghĩa là tâm nhiễm, tâm vô ký, thuận theo kẻ keo kiệt, đều gọi là keo kiệt.

4- Ruộng được kiến thí cho, không có công đức vượt hơn, vì ruộng này từ tà kiến là keo kiệt và phân biệt, lựa chọn ruộng phước, nghĩa là

kiến có giữ giới, phá giới, tức nói giới thủ, cho đó là sự keo kiệt.

5- Không quán tập từ bi: Y cứ theo nghĩa sân, nói là keo kiệt và đối với chỗ kia, không thấy đức vượt hơn, nghĩa là tâm tìm kiếm lỗi xấu ác, lấy đó làm keo kiệt.

6- Vì các cửa báu khó có thể chứa nhóm, thường lập tướng kia, nghĩa là đối với cửa báu, trí nghĩ khó được, sinh ra trề nãi, lười biếng, chính nghĩa trề nãi, lười biếng là keo kiệt.

7- Chấp lấy kiến và cho là tuệ xả có tạp nhiễm kia, tức nói kiến thủ là keo kiệt.

8- Mong cầu cửa báu mà thực hành tuệ thí và hồi hướng cho người kia: Cầu cửa là tham, thực hành thí cho, hồi hướng, hể mong được nhiều cửa cải cũng là tham. Pháp sư Thái nói: “Phần nhiều tham đối với tám thứ, gọi là như bản. Chấp lấy ở kiến thứ bảy là Kiến thủ và cho là tuệ thí, xả tài vì chỉ có quả tạp nhiễm của sinh tử kia, nên không thí cho tuệ. Đây là phương tiện chung, vì cho rằng chẳng phải phương tiện này, nên thuộc về tà kiến. Văn khác rất dễ hiểu.

Quyển sáu mươi hai nói về điều thiện. Trước nói về điều thiện có năm. Sau, nói về năm tướng. Nhân của năm điều thiện, như thứ lớp, có thể phối hợp.

Quyển sáu mươi ba nói có bảy điều thiện trong kinh:

1. Biết pháp.
2. Biết nghĩa.
3. Biết thời gian.
4. Biết lượng.
5. Biết chúng.
6. Biết cao, thấp.
7. Biết mình.

Trong biết pháp nói “Thế nào là biết rõ nhiếp thọ? Nghĩa là khả năng biết rõ về danh, cú, văn Thân. Do đây, nói rộng pháp môn sai khác, nghĩa là do danh, cú, văn, thân nói rộng về pháp môn khác nhau của uẩn, giới v.v...

Trong biết nghĩa, 1) biết duyên, nghĩa là biết rõ một phần nghĩa đã giáo hóa, nên thị hiện và đến một phần nghĩa đã giáo hóa, nên ái, hỷ. Đây là thị hiện lợi, hỷ của giáo. 2) Biết câu sai khác, nghĩa là hiểu rõ về tướng khác của môn khác, chỉ dạy, giải thích rõ về điểm khác nhau của phẩm loại ngôn từ. Như thuộc về môn khác, thuộc về các thuyết trong phần giải thích. 3) biết rõ thứ lớp, nghĩa là khả năng biết rõ, giải thích theo thứ lớp. Như giải thích Bốn đế, trước khổ, sau Thánh đạo. Giải

thích trong năm uẩn, trước thức, sau thức. Giải thích trong mười hai chi, trước, giải thích vô minh; sau giải thích già chết v.v...

Thành lập thứ lớp v.v... Nghĩa là trước hết, lập Tông; kế là, nhân; sau là dụ v.v...

Thứ lớp viên mãn: Trước thực hành (gieo) nhân sau, mới đắc quả. Y cứ trong hạnh, bắt đầu là mười tín, sau cùng là mười địa, nhân là viên mãn v.v...

“Biết thời gian trong năm tướng”. Luận sư Cảnh nói: “Hai biết trước lúc khởi nhiễm: 1) Biết đang khởi nhiễm, sinh nhàm chán. 2) Biết khi sinh khởi nhiễm, phải đề phòng về sau. 3) Biết khi khởi tịnh, trong đó lại biết hai thời gian: Chính khởi, sắp khởi để tác ý pháp tịnh, riêng tu. 4) Tác ý đối trị đẳng khởi: Biết phiền não như thế, khởi đối trị như thế. Nghĩa là đối với kẻ nặng nề tham dục họ quán bất tịnh v.v... 5) Tác ý đối trị, nghĩa là thời gian khởi hạnh quán. Pháp sư Thái nói: “1) Biết chính khi, “hoặc” khởi. 2) biết khi, “hoặc” sắp khởi. 3) Biết khi “hoặc” không khởi. 4) Biết đối trị nhân đẳng khởi. 5) Biết khi đối trị sát na đẳng khởi.

Trong biết lượng rằng: “Đại khái nói hai thứ tánh thuận theo dứt trừ: hai thứ thuận với vô vi đoạn.

1) Nhậm trì tánh thuận theo, nghĩa là đối với thức ăn v.v... khéo biết số lượng, gọi là thuận theo vô vi đoạn.

2) Thuận theo tinh tấn, nghĩa là trong mọi cử chỉ đi đứng v.v... khéo biết so lường, nên thuận với vô vi đoạn. Đây là giải thích sơ lược hai thứ. Dưới đây sẽ giải thích hai thứ (như văn, rất dễ hiểu)

“ Một chỗ cao, thấp giải thích chung” nghĩa là từ “ khéo biết chúng sinh sát-đế-lợi cho đến “sư Du-già như thế” v.v...”.

Trong giải thích tự biết, văn chia làm ba:

1) Nói về khéo biết đi đến v.v... cho nên im lặng như văn rất dễ hiểu.

2) Nói về tướng mạo của tín, bất tín, trong đó chia làm hai:

a) Nói tự biết có niềm tin, cho đến “là người thiện nam”. Pháp sư Thái nói: “Trong đây đồng với luận Thành thật và mười thứ thí dụ của Tỳ-Bà-Sa. Cần chi Thiên địa, như văn rất dễ hiểu.

Nay, xét văn này có mười chi:

1- Tín, vì đầu tiên nhập đạo, gọi là chi Thu nhập.

2- Do giới sinh định, giới là chi chỉ.

3- Nhân nghe định Tuệ, gọi là chi tư lương.

4- Xả ích đắc, tuệ, gọi là chi quán.

5- Tuệ do Tư Thành bên trong.

6- Thuận theo giáo thọ răn dạy người khác. Vì y chỉ hai pháp này, nên chứng chỉ quán

7- Do chỉ quán nên chứng quả Thánh.

8- Đối với pháp mình đã chứng, nếu có nghi “hoặc” vì dứt trừ nghi ngờ đó, nên vì nói rộng và có biện tài để hàng phục luận của người khác.

9- Nhấn nhục.

10- Nhu hòa. Đây chính là đối với thân, nghĩ của người khác, khi tà hạnh khởi, phải có tánh của người thiện nam thuộc về hai nghiệp này.

b) Nói về tướng bất tín v.v... trong đó được chia làm hai:

1) Nêu mười thứ ba duyên để nói về phẩm Hắc.

2) Trái lại, làm rõ phẩm Bạch.

Trong phần trước nói rằng: “Che khuất Tuệ, Tuệ vượt hơn: giống như úp bát không nhận vật, Tuệ chậm lụt cũng thế, vì không tiếp nhận pháp. Nói che khuất tuệ, cũng như khi hạt cỏ v.v... dính trên gối, lúc ngồi thì nó bám dính, khi ta đứng dậy, nó rơi xuống. Tuệ chậm lụt cũng thế. Khi ngồi thì nghe pháp, lúc đứng lên, lại quên mất, nên nói tuệ vượt hơn.”

Dưới đây, nói về đi đạo quan, tìm kiếm văn, rất dễ hiểu. Quyển sáu mươi bốn, nói về hai thứ dục sắc, gọi là thô:

1. Vì số nhiều nên thô: như hai trần hương, vị của nam, nữ, chỉ ở cõi Dục, vì số nhiều nên thô.

2. Nặng nề: Các sắc của cõi Sắc nhẹ, màu nhiệm, giống như ánh sáng. Sắc của cõi Dục nặng. Lại, như y cứ vào lượng. Bốn đại, lượng áo của trời Tứ vương là sáu lượng, cho đến áo của các vị trời cõi Sắc, không theo chuẩn tắc xứng lượng. Bốn việc kiên cố mạnh mẽ, nghĩa là không mềm mại. Năm đổi thay hư hoại, nghĩa là trời, người cõi Dục, chặt đứt tay chân v.v... của họ, bị biến hoại. Cõi Sắc thì không như thế. Dưới đây, là kết pháp khác không biểu hiện.

Trên đây, văn của bốn quyển rưỡi, quyết định lựa chọn Địa Thanh văn xong.

Dưới đây là nên theo thứ lớp quyết định lựa chọn văn của Địa Độc Giác. Vì nghĩa văn của Bản địa Phần đã rõ ràng, nên không quyết định lựa chọn, cho nên nói rằng: “Lại, các quyết định lựa chọn của Địa Độc Giác, cũng không biểu hiện lại nữa.
